UBND PHƯỜNG ĐỒNG HỚI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTQĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 385 /BQL

Đồng Hới, ngày 01 tháng 4 năm 2026

Về việc công khai Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đô thị Bảo Ninh 4, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

Kính gửi:
- UBND phường Đồng Hới;
- Ông, bà: Phạm Văn Hành - Nguyễn Thị Khuyên;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sữa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình V/v ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/20224 của UBND tỉnh Quảng Bình V/v ban hành quy định mức bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất gây thiệt hại đối với vật nuôi là thuỷ sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị Quy định Bảng giá đất áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn

liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khả sát, đo đạc, kiểm đếm để giải phóng mặt bằng thực hiện công trình Khu đô thị Bảo Ninh 4, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới;

Căn cứ Quyết định số 3256/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình V/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Bảo Ninh 4, 5, 6 và 7 tại xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (cấp lần đầu ngày 24/01/2024);

Căn cứ Thông báo số 146/TB-UBND ngày 06/6/2024 của UBND thành phố Đồng Hới về chủ trương thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện công trình Khu đô thị Bảo Ninh 4, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới;

Căn cứ Thông báo số 297/TB-UBND ngày 04/12/2024 của UBND thành phố Đồng Hới về chủ trương thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị Bảo Ninh 4, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới;

Căn cứ Thông báo số 830/TB-UBND ngày 13/02/2026 của UBND phường Đồng Hới thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị Bảo Ninh 4, tại Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (Thông báo lại lần 1);

Căn cứ Thống kê kết quả chỉnh lý địa chính tờ bản đồ địa chính số 16, 17, 60 tại xã Bảo Ninh do Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường lập ngày 18/11/2022 được Sở Tài nguyên và môi trường ký duyệt ngày 05/12/2022;

Căn cứ Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của UBND thành phố Đồng Hới Về kiểm đếm bắt buộc;

Căn cứ Công văn số 233/UBND ngày 31/3/2025 của UBND xã Nhân Trạch V/v xác nhận nghề nghiệp của ông, bà: Phạm Văn Hành - Nguyễn Thị Khuyên;

Căn cứ Công văn số 476/UBND ngày 02/6/2025 của UBND xã Bảo Ninh V/v xác nhận thời điểm xây dựng, tạo lập tài sản của ông, bà: Phạm Văn Hành - Nguyễn Thị Khuyên bị ảnh hưởng do GPMB Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 4, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới;

Căn cứ Công văn số 575/UBND ngày 23/6/2025 của UBND xã Bảo Ninh V/v xác nhận diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng của ông, bà: Phạm Văn Hành - Nguyễn Thị Khuyên bị ảnh hưởng do GPMB Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 4, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới;

Căn cứ Công văn số 559/KTHT&ĐT ngày 12/3/2026 của phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị phường Đồng Hới về việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất công trình Khu đô thị Bảo Ninh 4 kèm theo Chứng thư số 06/BQL ngày 10/3/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới;

Căn cứ Công văn số 1287/UBND-KTHTĐT ngày 19/3/2026 của UBND phường Đồng Hới V/v xác nhận nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp thuộc Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 4 (phường Đồng Hới);

Căn cứ Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ ngày 18/3/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới;

Căn cứ Biên bản kiểm kê khối lượng bồi thường GPMB và các giấy tờ liên quan.

Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ thành phố lập Dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Công trình: Khu đô thị Bảo Ninh 4, tại phường phố Đồng Hới đối với ông, bà: Phạm Văn Hành - Nguyễn Thị Khuyên.

(Có Dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ TĐC kèm theo).

Để thực hiện đúng theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội và hoàn thiện phương án bồi thường đúng chính sách, chế độ quy định hiện hành của Nhà nước, Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới phối hợp với UBND phường Đồng Hới; tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Khu đô thị Bảo Ninh 4, tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng trị

Thời gian niêm yết công khai 10 ngày, kể từ ngày 01/4/2026 đến ngày 11/4/2026.

Địa điểm niêm yết công khai: Tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Đồng Hới, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân phường Đồng Hới và gửi trực tiếp cho ông, bà Phạm Văn Hành - Nguyễn Thị Khuyên (cá nhân bị ảnh hưởng).

Các kiến nghị, đề xuất của ông, bà Phạm Văn Hành - Nguyễn Thị Khuyên đề nghị gửi cho Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới - Địa chỉ: Tầng 5 - Trụ sở UBND phường Đồng Hới - số 88 Phạm Văn Đồng, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị chậm nhất đến ngày **11/4/2026**.

Sau khi hết thời hạn niêm yết công khai Dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ, Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới sẽ phối hợp với UBND phường Đồng Hới, UBMT TQVN phường Đồng Hới tổ chức họp đối thoại trong trường hợp còn có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

Để việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đúng quy định, Ban quản lý dự án kính đề nghị UBND phường Đồng Hới quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND phường Đồng Hới (báo cáo);
- Phòng KTHT&ĐT;
- Liên danh công ty cổ phần T&T Land, gồm: Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh và Công ty TNHH Đầu Tư và Xây dựng Hoàng Minh

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

U.B.N.D PHƯỜNG ĐỒNG HỚI T. QUẢNG TRỊ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTQĐ ĐỒNG HỚI

Hoàng Vũ Diệu Thuý

UBND PHƯỜNG ĐỒNG HỚI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTQĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Công trình: Khu đô thị Bảo Ninh 4, tại xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới (đợt 7)

(Kèm theo Công văn số: 385 /BQL ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới)

I/ CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- *Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;*
- *Căn cứ Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội;*
- *Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*
- *Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*
- *Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;*
- *Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;*
- *Căn cứ Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*
- *Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;*
- *Căn cứ Nghị Quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc quy định bảng giá đất áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.*
- *Căn cứ Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;*
- *Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;*
- *Căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/20224của UBND tỉnh Quảng Bình V/v ban hành quy định đơn giá bồi thường về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;*
- *Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024;*

- *Căn cứ Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khả sát, đo đạc, kiểm đếm để giải phóng mặt bằng thực hiện công trình Khu đô thị Bảo Ninh 4, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới;*
- *Căn cứ Thông báo số 146/TB-UBND ngày 06/6/2024 của UBND thành phố Đồng Hới về chủ trương thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện công trình Khu đô thị Bảo Ninh 4, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới;*
- *Căn cứ Thông báo số 297/TB-UBND ngày 04/12/2024 của UBND thành phố Đồng Hới về chủ trương thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị Bảo Ninh 4, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới;*
- *Căn cứ Thông báo số 830/TB-UBND ngày 13/02/2026 của UBND phường Đồng Hới thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị Bảo Ninh 4, tại Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (Thông báo lại lần 1);*
- *Căn cứ Thống kê kết quả chỉnh lý địa chính tờ bản đồ địa chính số 16, 17, 60 tại xã Bảo Ninh do Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường lập ngày 18/11/2022 được Sở Tài nguyên và môi trường ký duyệt ngày 05/12/2022;*
- *Căn cứ Quyết định số 3256/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình V/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Bảo Ninh 4, 5, 6 và 7 tại xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/500;*
- *Căn cứ Quyết định số 2674/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (cấp lần đầu ngày 30/9/2022);*
- *Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (cấp lần đầu ngày 24/01/2024);*
- *Căn cứ Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của UBND thành phố Đồng Hới Về kiểm đếm bắt buộc;*
- *Căn cứ Công văn số 233/UBND ngày 31/3/2025 của UBND xã Nhân Trạch V/v xác nhận nghề nghiệp của ông, bà: Phạm Văn Hành - Nguyễn Thị Khuyên;*
- *Căn cứ Công văn số 476/UBND ngày 02/6/2025 của UBND xã Bảo Ninh V/v xác nhận thời điểm xây dựng, tạo lập tài sản của ông, bà: Phạm Văn Hành - Nguyễn Thị Khuyên bị ảnh hưởng do GPMB Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 4, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới;*
- *Căn cứ Công văn số 575/UBND ngày 23/6/2025 của UBND xã Bảo Ninh V/v xác nhận diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng của ông, bà: Phạm Văn Hành - Nguyễn Thị Khuyên bị ảnh hưởng do GPMB Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 4, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới;*
- *Căn cứ Công văn số 559/KTHT&ĐT ngày 12/3/2026 của phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị phường Đồng Hới về việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất công trình Khu đô thị Bảo Ninh 4 kèm theo Chứng thư số 06/BQL ngày 10/3/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới;*
- *Căn cứ Công văn số 1287/UBND-KTHTĐT ngày 19/3/2026 của UBND phường Đồng Hới V/v xác nhận nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp thuộc Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 4 (phường Đồng Hới);*
- *Căn cứ Phiếu điều tra gía bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ ngày 18/3/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới;*
- *Căn cứ biên bản kiểm kê khối lượng tài sản bị ảnh hưởng do GPMB và các hồ sơ liên quan.*

II/ NỘI DUNG:

1/ Tổng diện tích đất thu hồi: **2.844,80 m²**

Trong đó:

- Diện tích đất hộ gia đình, cá nhân sử dụng: **2.844,80** m²

+ *Đất trồng cây hàng năm khác (HNK):* *2.844,80 m²*

2/ Tổng số người có đất thu hồi: 01 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng.

3/ Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không

4/ Phương án bố trí tái định cư: Không

5/ Phương án di dời mồ mã trong phạm vi đất thu hồi: Có

6/ Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không.

7/ Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: **0 đồng**

a/ Tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 1.056.799.000 đồng

- Bồi thường về đất: *159.309.000 đồng*

- Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất: *70.646.000 đồng*

- Các khoản hỗ trợ: *826.844.000 đồng*

b/ Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 0 đồng

8/ Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

- Thời gian thực hiện chi trả tiền: Sau khi có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND thành phố.
- Thời gian nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng: Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thành phố Đồng Hới có thông báo chi trả tiền lần đầu.

9/ Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
1	**Ông, bà: Phạm Văn Hành - Nguyễn Thị Khuyên** - CCCD: - Địa chỉ thường trú: Thôn Nhân Quang, xã Nam Trạch, tỉnh Quảng Bình. - Chỗ ở hiện nay: Thôn Nhân Quang, xã Nam Trạch, tỉnh Quảng Bình. - Số điện thoại:			**Làm tròn số đến hàng nghìn**				**159.309.000**	**70.646.000**	**826.844.000**	**1.056.799.000**	
								159.308.800	**70.645.554**	**826.844.370**		
A	***Bồi thường về đất:***							***159.308.800***				
	Căn cứ bồi thường về đất theo quy định tại Điều 95 Luật Đất đai năm 2024											
	Đơn giá bồi thường về đất căn cứ Công văn số 559/KTHT&ĐT ngày 12/3/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Hới V/v cung cấp phương											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	án giá đất để lập phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất công trình Khu đô thị Bảo Ninh 4 kèm theo Chứng thư số 06/BQL ngày 10/3/2026 của Ban											
	quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới;.											
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thửa 414 (1), TBĐ số 16	m²	335,9	56.000				18.810.400				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 414(1), TBĐ số 16: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.											
	Được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp GCN ngày 21/9/2020											
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thửa 415, TBĐ số 16	m²	993,0	56.000				55.608.000				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 415, TBĐ số 16: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất, đất được Sở Tài nguyên và Môi trường											
	Quảng Bình cấp GCN ngày 10/7/2020											
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thửa 416, TBĐ số 16	m²	343,3	56.000				19.224.800				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 416, TBĐ số 16: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.											
	Được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp GCN ngày 21/9/2020											
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thửa 374, TBĐ số 16	m²	323,9	56.000				18.138.400				
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thửa 372, TBĐ số 16	m²	328,0	56.000				18.368.000				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 374, 372, TBĐ số 16: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.											
	Được Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Bình cấp GCN ngày 15/3/2021											
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thửa 373, TBĐ số 16	m²	520,7	56.000				29.159.200				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 373, TBĐ số 16: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.											
	Được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp GCN ngày 16/3/2021											
	Tổng diện tích thu hồi:		**2.844,8**									
B	***Bồi thường tài sản trên đất:***								***70.645.554***			
	Tài sản mục b1, b2, b4, b5, b6, b7, b8, b9 tạo lập năm 2019, được UBND xã Bảo Ninh xác nhận tại Công văn số 476/UBND ngày 02/6/2025, tạo lập không											
	đúng mục đích sử dụng đất trên đất trồng cây hàng năm khác (đất được cấp GCN) nên không được bồi thường quy định tại khoản 2, Điều 105 Luật Đất đai											
	2024 nhưng được hỗ trợ quy định tại điểm b khoản 8 Điều 15 Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị. Mức hỗ trợ bằng 10%											
	mức bồi thường theo quy định. Lý do: Công trình xây dựng khác được tạo lập, xây dựng trái quy định kể từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày Nhà nước có thông											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	báo thu hồi đất mà quá trình tạo lập không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền											
b1	Nhà xây dỡ dang: Móng xây đá cao 0,5m; tường xây cao 1,1m, tô trát hoàn chỉnh. Nền lát gạch ceramic 40*40. KT: 6,5*4,0											
	Căn cứ tính bồi thường, hỗ trợ về công trình xây dựng đang xây dở dang quy định tại điểm 1.5 mục 1, phụ lục IV Quyết định 23/2026/QĐ-UBND ngày											
	11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị											
-	Móng xây đá cao 0,5m. KT: (6,5+4)*2,0*0,4*0,5	m3 xây	4,200		1.228.000		10%		515.760		ĐG stt 8, PLVI, QĐ 23/2026	
-	Phần tường xây dày 15cm, cao 1,1m, tô trát hoàn chỉnh. KT: (6,5+4)*2,0*1,1	m²	23,100		264.000		10%		609.840		ĐG stt 1.6, II, mục B, PLI, QĐ 23/2026	
+	Phần tô trát tính thêm. KT: [(6,5+4)*2*1,1]* 2 mặt	m²	46,20		76.000		10%		351.120		ĐG stt 3.2, II, mục B, PLI, QĐ 23/2026	
-	Nền đổ bê tông sạn ngang, dày 10cm. KT: 6,5*4,0	m²	26,00		211.000		10%		548.600		ĐG stt 18.1, 17, VI, mục B, PLI, QĐ 23/2026	
+	Nền trên lát gạch men ceramic, tính thêm. KT: 6,5*4,0	m²	26,00		276.000		10%		717.600		ĐG stt 2.2, I, mục B, PLI, QĐ 23/2026	
b2	Nhà xây tô trát hoàn chỉnh bổ trụ BTCT, nền xi măng, không mái, tường nhà cao 2,7m. KT: 4,0*1,9	m²	7,60		2.640.000		10%		2.006.400		ĐG stt10, II, mục A, PLI, QĐ 23/2026	
-	Giảm số tiền nhà không có mái (giá nhà quy định mái lợp tôn). KT: 4,0*1,9	m²	7,60		-255.000		10%		-193.800		ĐG stt 45.9,17, VI, mục B, PLI, QĐ 23/2026	
	(Căn cứ điểm h, mục 1, phụ lục IV Quyết định 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
b3	Tấm đan BTCT lát đường. KT: (1,8*1,3*0,15)*19 tấm	m^3	6,67		6.830.000		100%		45.549.270		ĐG stt 4, VI, mục B, PLI, QĐ 23/2026	
	(Hỗ trợ căn cứ khoản 11 Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
b4	Chuồng 1: Móng xây gạch blô, tường xây gạch, chưa tô trát, sườn mái bằng luồng, mái lợp phibrô, nền đất. Chuồng cao 2,2m. KT:	m²	34,20		516.000		10%		1.764.720		ĐG stt 50.4, 17, VI, mục B, PLI, QĐ 23/2026	
b5	Kè xây blốc phía trước chuồng 1 (tường dày 15 cm). KT: 10,8+(4,4*2)*0,5	m2	15,20		264.000		10%		401.280		ĐG stt 1.9, II, mục B, PLI, QĐ 23/2026	

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
b6	Chuồng 2: Móng xây blô, tường xây gạch, chưa tô trát, nền xi măng, không mái. Chuồng cao 1,7m. KT: 2,8*1,8	m^2	5,04		718.000		10%		361.872	ĐG stt 50.3, 17, VI, mục B, PLI, QĐ 23/2026		
+	Giảm số tiền chuồng không có mái (đơn giá chuồng tính cho mái lợp tôn hoặc phirôximăng). KT: 2,8*1,8	m^2	5,04		-168.000		10%		-84.672	ĐG stt 45.15, VI, mục B, PLI, QĐ 23/2026		
	(Căn cứ điểm h, mục 1.6, phụ lục IV Quyết định 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
b7	Chuồng 3: Móng xây blô, tường xây blô, chưa tô trát, không mái, nền đất. Chuồng cao 2m.	m^2	17,36		516.000		10%		895.776	ĐG stt 50.4, 17, VI, mục B, PLI, QĐ 23/2026		
+	Giảm số tiền chuồng không có mái (đơn giá chuồng tính cho mái lợp tôn hoặc phirôximăng). KT: 5,6*3,1	m^2	17,36		-168.000		10%		-291.648	ĐG stt 45.15, VI, mục B, PLI, QĐ 23/2026		
	(Căn cứ điểm h, mục 1, phụ lục IV Quyết định 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
b8	Đào ao sâu 1,5m. KT: 25,0*20,0	m^2	500,0		28.000		10%		1.400.000	ĐG stt 34, 17, VI, mục B, PLI, QĐ 23/2026		
b9	Tường rào xây blô, móng cao 0,5m, tường cao 1,2m, chưa tô trát (đơn giá tường rào cao 1,4m). Tường dài 40,0 m. KT: 40,0*1,2	m2	48,0		1.177.000		10%		5.649.600	ĐG stt 19.22, 17, VI, mục B, PLI, QĐ 23/2026		
-	Giảm số tiền tường rào xây thấp hơn quy định 20cm. Cứ 10cm giảm 51.000đ/md. KT: 40,0*0,2	m2	8,0		-102.000		10%		-81.600			
	(Căn cứ điểm 2.3 mục 2, phụ lục IV Đơn giá các công trình, kết cấu xây dựng tại phần B phụ lục I tại Quyết định 23/2026/QĐ-UBND											
b10	Móng xây gạch blô. KT: (3+3)*2*0,2*0,15	m^3	0,360		1.951.000		10%		70.236	ĐG stt 9, VI, mục B, PLI, QĐ 23/2026		
b11	Giếng khoan đất cát sâu ≥ 10m (khoan bằng máy)	cái	1,00		7.385.000		100%		7.385.000	ĐG stt 28.9, 17, VI, mục B, PLI, QĐ 23/2026		
b12	Cây trồng:											
	Căn cứ bồi thường đối với cây trồng theo quy định tại Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình											
-	Phi lao Φ > 30cm	cây	5,0		442.400				2.212.000		ĐG stt 2.10, D, PLI, QĐ 12/2025	
-	Phi lao Φ 10cm	cây	1,0		30.000				30.000		ĐG stt 2.1, D, PLI, QĐ 12/2025	

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Keo Φ 10cm	cây	1,0		30.000				30.000		ĐG stt 2.1, D, PLI, QĐ 12/2025	
-	Bạch đàn Φ 25cm	cây	1,0		284.400				284.400		ĐG stt 2.10, D, PLI, QĐ 12/2025	
-	Huê cao < 50cm (Φ 2cm)	cây	7,0		73.400				513.800		ĐG stt 8.1, D, PLI, QĐ 12/2025	
C	***Các khoản hỗ trợ khác:***									***826.844.370***		
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống:	khẩu	2,0									
	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất Nông nghiệp chiếm tỷ lệ 99,83% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng. Cụ thể: (02 khẩu * 30 kg gạo/tháng * 12tháng * đơn giá gạo)	kg	720,0			19.500				14.040.000		
	Tỷ lệ 99,83% đất nông nghiệp được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại GXN số 1972/XN-UBND ngày 15/9/2025											
	(Căn cứ hỗ trợ ổn định đời sống quy định tại khoản 1 Điều 19, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính Phủ Đơn giá căn cứ phiếu điều											
	tra giá bán lẻ hàng hoá dịch vụ tiêu dùng kỳ ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất trồng cây hàng năm, vị trí 1 theo bảng giá đất quy định tại Nghị Quyết số 12/2025/NQ-UBND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 56.000đ/m2 x 10% = 5.600đ/m2	m^2	2844,8			5.600				15.930.880		
	(Căn cứ hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh quy định tại Khoản 6 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP và Khoản 4 Điều 11, Quyết định số											
	30/2026/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Trị ngày 12/3/2026)											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với đất trồng cây hàng năm khác (HNK). Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị Quyết số 12/2025/NQ-UBND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 5 lần * 56.000đ/m2 = 280.000/m2	m²	2.844,8			280.000				796.544.000		
	(Căn cứ Điều 22, NĐ 88/2024/NĐ-CP và khoản 1 Điều 13, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Trị ngày 12/3/2026)											
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý GCN QSDĐ đối với thửa đất bị thu hồi (thửa 414 (1), TBĐ số 16).	giấy	1,0			329.490				329.490		
	Căn cứ Điểm a Khoản 2, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Trị ngày 12/3/2026											
	Tổng cộng:							**159.309.000**	**70.646.000**	**826.844.000**	**1.056.799.000**	

(Số tiền bằng chữ: Một tỷ không trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng chẵn)./.

Đồng Hới, ngày 01 tháng 4 năm 2026

KT. TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN

U.B.N.D PHƯỜNG ĐỒNG HỚI T. QUẢNG TRỊ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTQĐ ĐỒNG HỚI

Hoàng Vũ Diệu Thuý